ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

**TRƯỜNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

A picture containing text, sign

Description automatically generated

**BÁO CÁO**

**Phát triển phần mềm theo chuẩn kĩ năng ITSS**

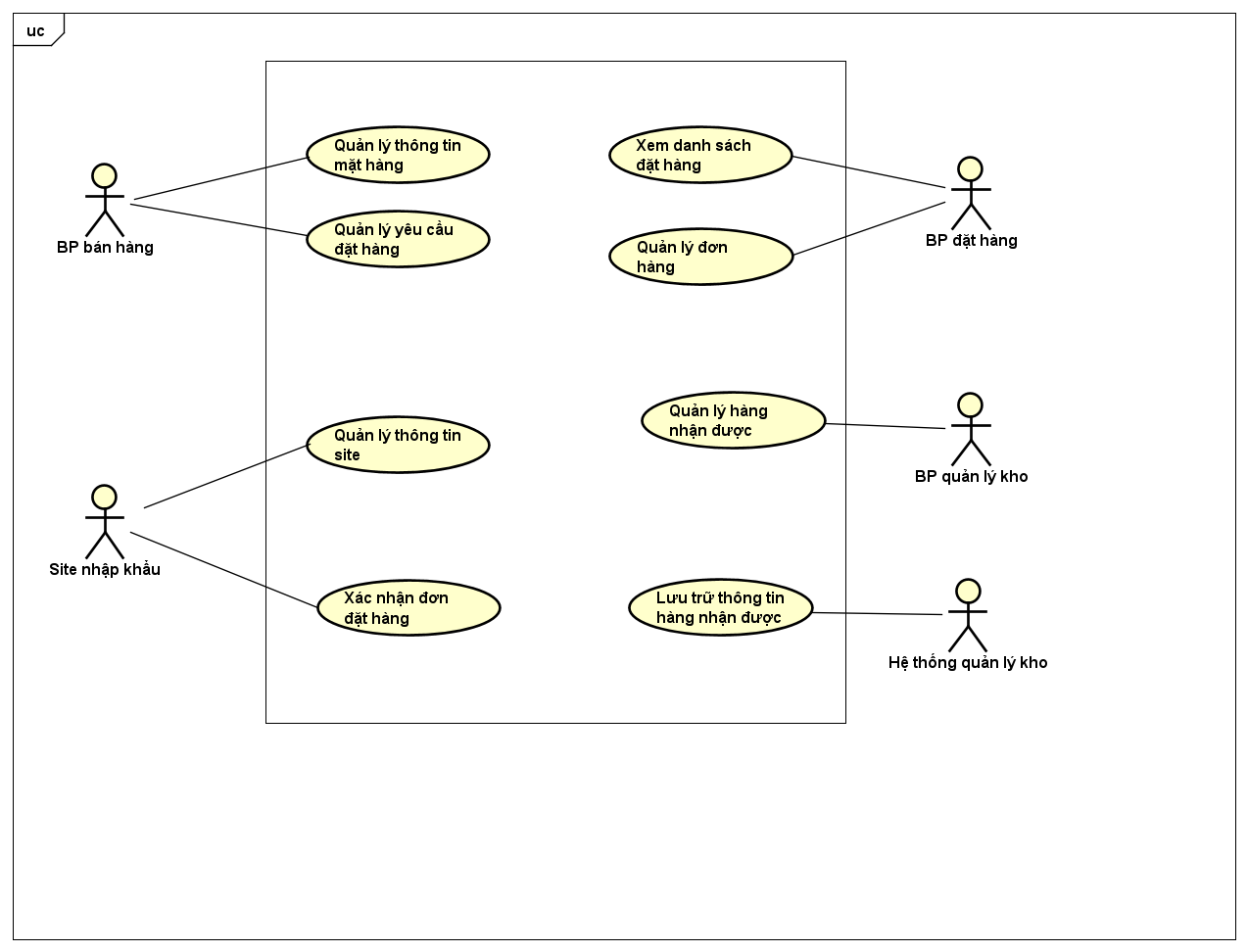
**Bài tập về nhà tuần 3**

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên: | **Ngô Văn Thức** |
| MSSV: | **20215145** |
| Giảng viên hướng dẫn: | **TS. Trịnh Tuấn Đạt** |

***Hà Nội, 3/2024***

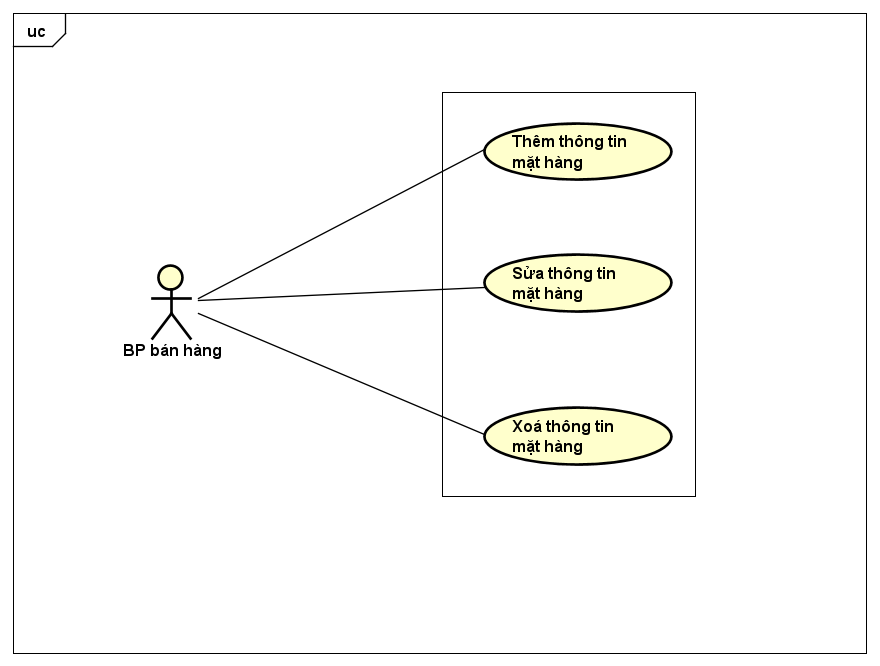
1. **Biểu đồ usecase**

**1.1 Biểu đồ use case tổng quan**

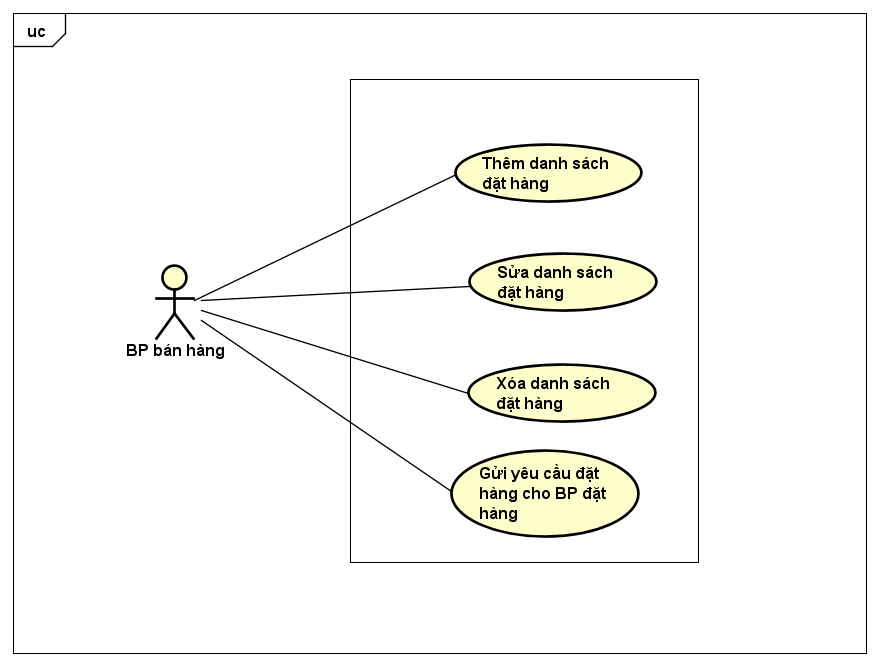
****

**1.2 Biểu đồ use case phân rã**

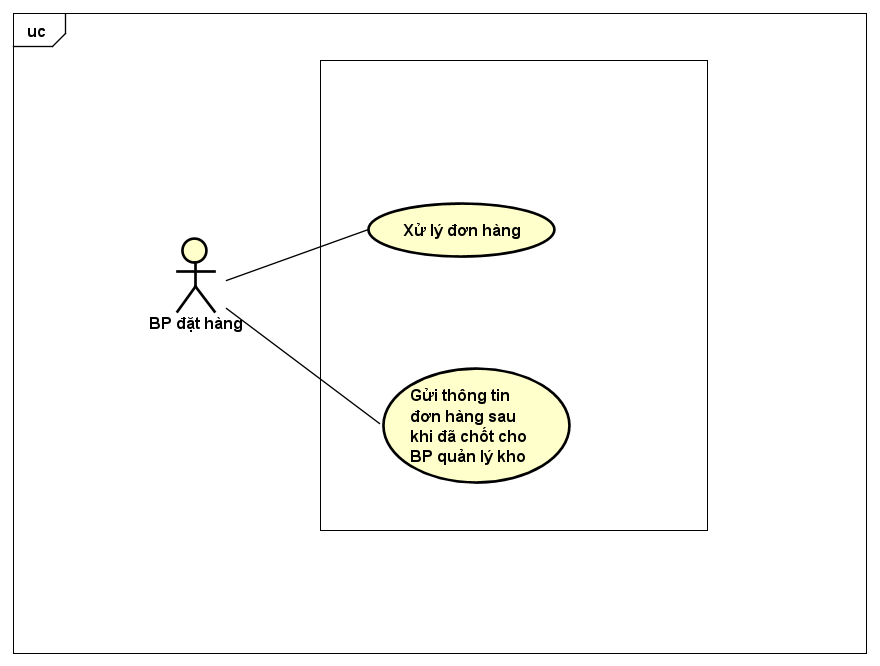
1.2.1 Phân rã use case “Quản lý thông tin mặt hàng”



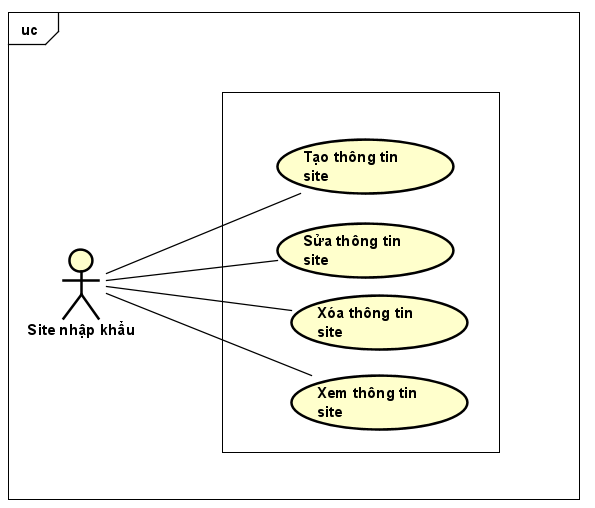
1.2.2 Phân rã use case “Quản lý yêu cầu đặt hàng”



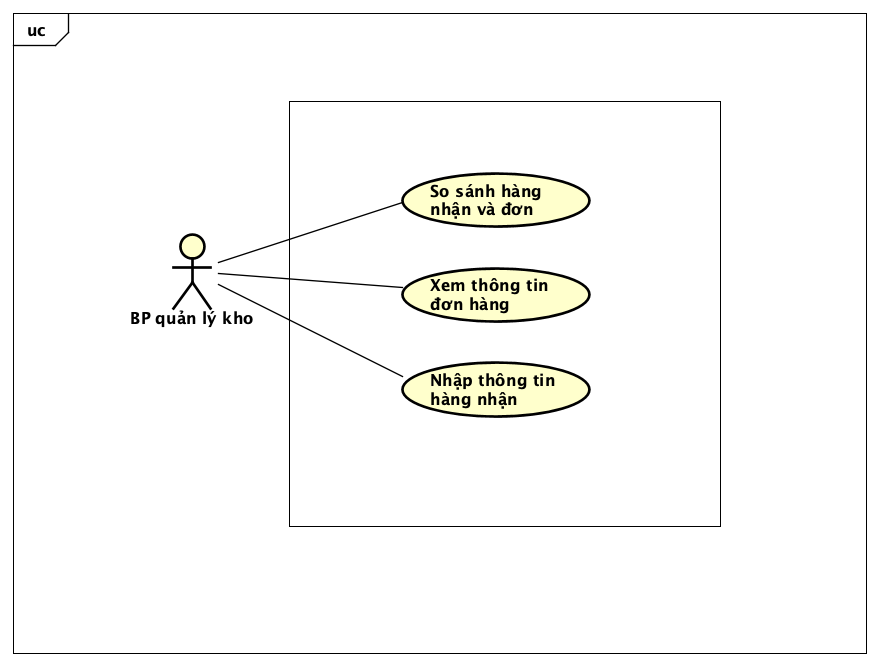
1.2.3 Phân rã use case “Quản lý đơn hàng”

****

1.2.4 Phân rã use case “Quản lý thông tin site”



1.2.5 Phân rã use case “Quản lý hàng nhận được”



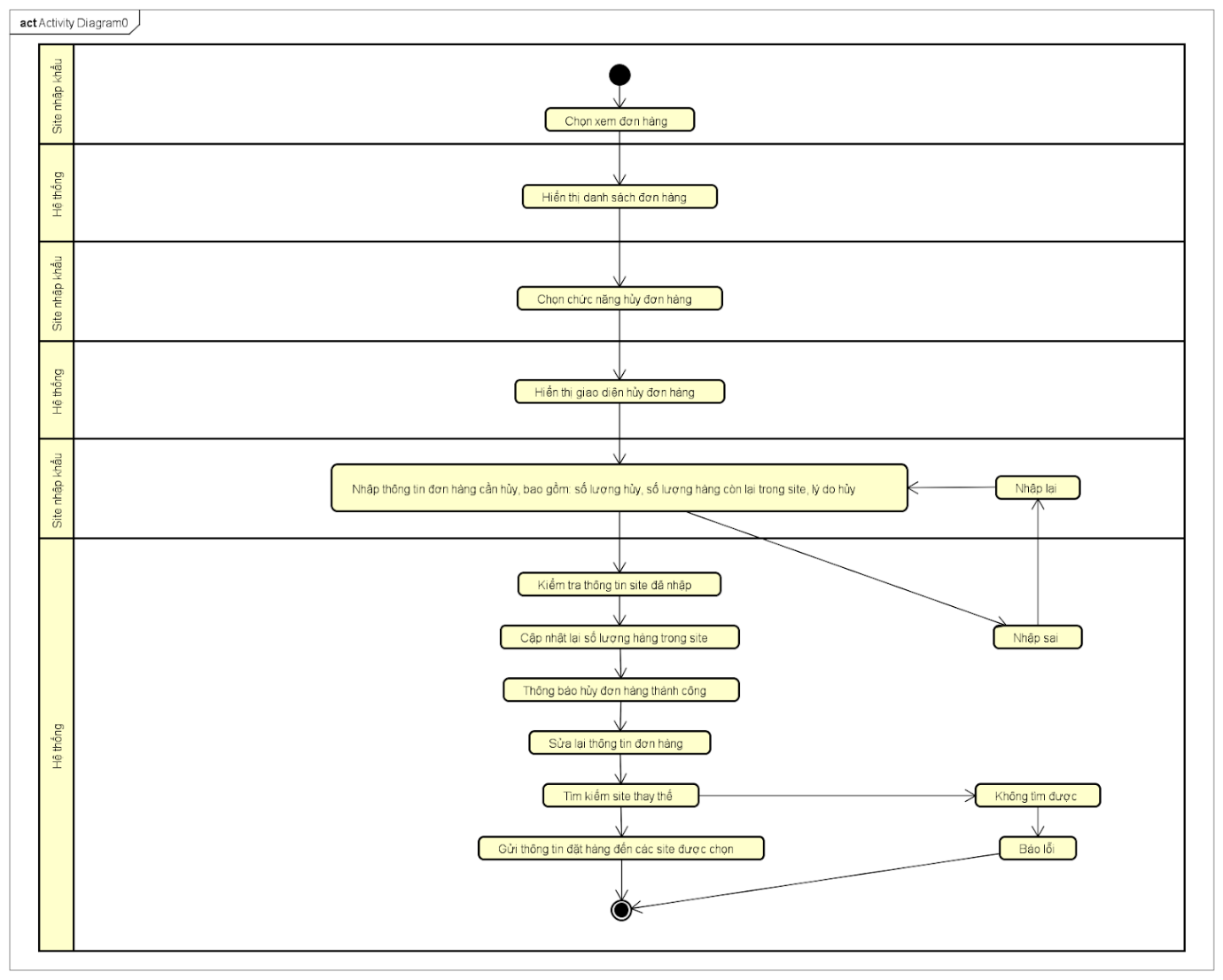
1. **Đặc tả use case UC005 “Xử lý đơn hàng khi bị site hủy”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC005 | **Tên Use case** | Xử lý đơn hàng khi bị site hủy |
| **Tác nhân** | Site nhập khẩu, Bộ phận đặt hàng | | |
| **Tiền điều kiện** | Đã có thông tin đơn hàng nhưng site hủy đơn hàng | | |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1 | Site nhập khẩu | chọn xem đơn hàng | | 2 | Hệ thống | hiển thị danh sách đơn hàng | | 3 | Site nhập khẩu | chọn chức năng hủy đơn hàng | | 4 | Hệ thống | hiển thị giao diện hủy đơn hàng | | 5 | Site nhập khẩu | nhập thông tin đơn hàng cần hủy, bao gồm: số lượng hủy, số lượng còn lại trong site, lý do hủy | | 6 | Hệ thống | kiểm tra thông tin site nhập khẩu nhập vào | | 7 | Hệ thống | cập nhật lại số lượng hàng trong site | | 8 | Hệ thống | thông báo hủy đơn hàng thành công | | 9 | Hệ thống | chuyển đơn hàng về trạng thái hủy, nếu chỉ hủy một phần đơn hàng thì sửa lại số lượng trong đơn hàng | | 10 | Hệ thống | tìm kiếm site thay thế để đảm bảo đáp ứng quá trình nhập hàng theo các tiêu chí với thứ tự như sau   * đáp ứng ngày nhận mong muốn * ưu tiên phương tiện tàu hơn hàng không * ưu tiên site có số lượng hàng hóa trong kho lớn * số lượng các site nhỏ nhất có thể | | 11 | Hệ thống | gửi lại thông tin đặt hàng cho các site được chọn | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 3a. | Hệ thống | thông báo lỗi nếu người dùng chọn hủy đơn hàng đã thành công hoặc đã hủy | | 6a. | Hệ thống | nếu các trường bắt buộc chưa điền thì thông báo cần điền | | 6b | Hệ thống | nếu các trường điền sai kiểu dữ liệu thì thông báo điền sai kiểu | | 6c | Hệ thống | nếu số lượng hủy nhỏ hơn 1 hoặc lớn hơn số lượng đặt thì thông báo lỗi | | 10a | Hệ thống | nếu không tìm được đủ số lượng hàng thì thông báo lỗi | | | |
| **Hậu điều kiện** | Không | | |

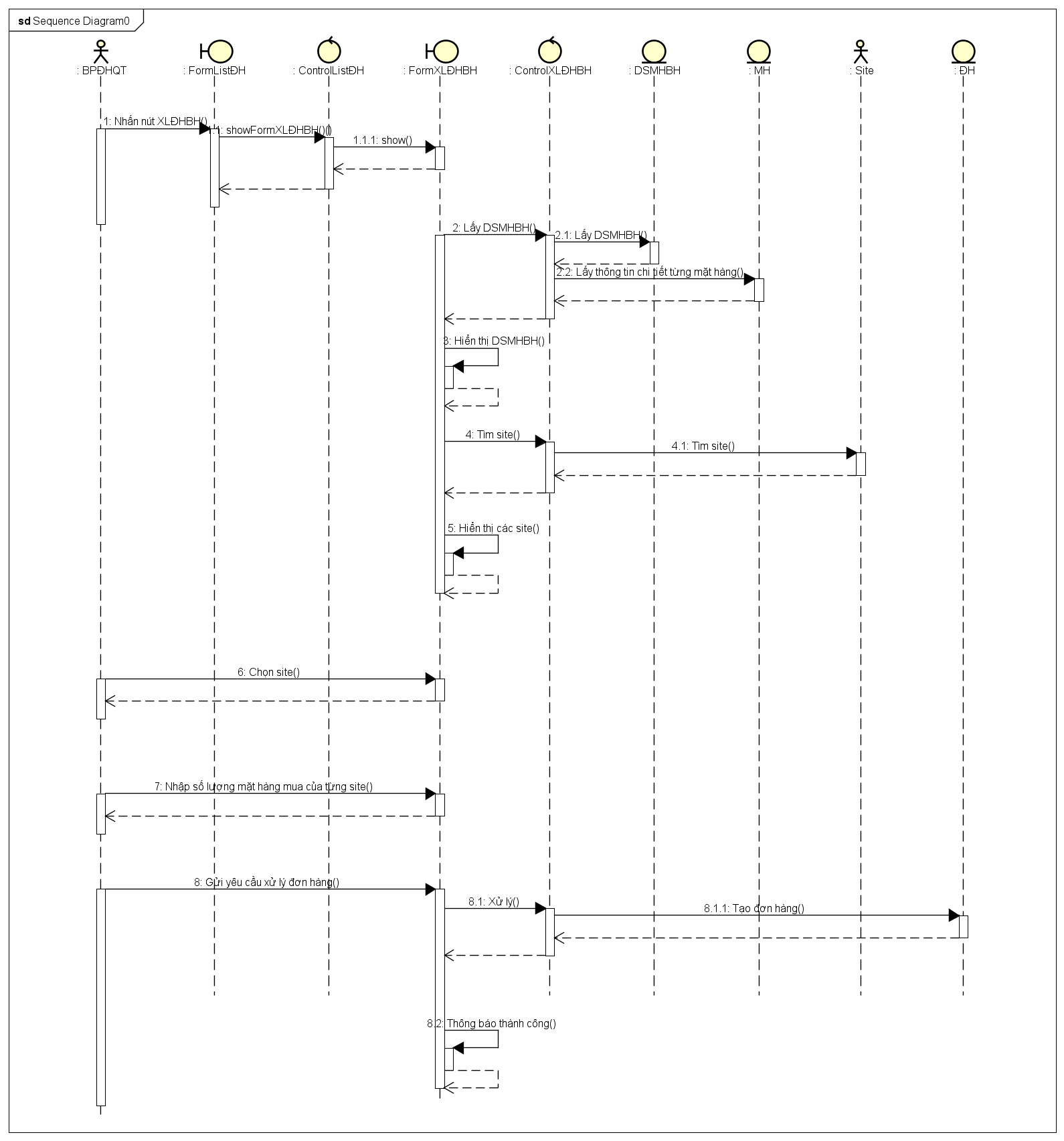
(\*) Mô tả dữ liệu đầu vào:

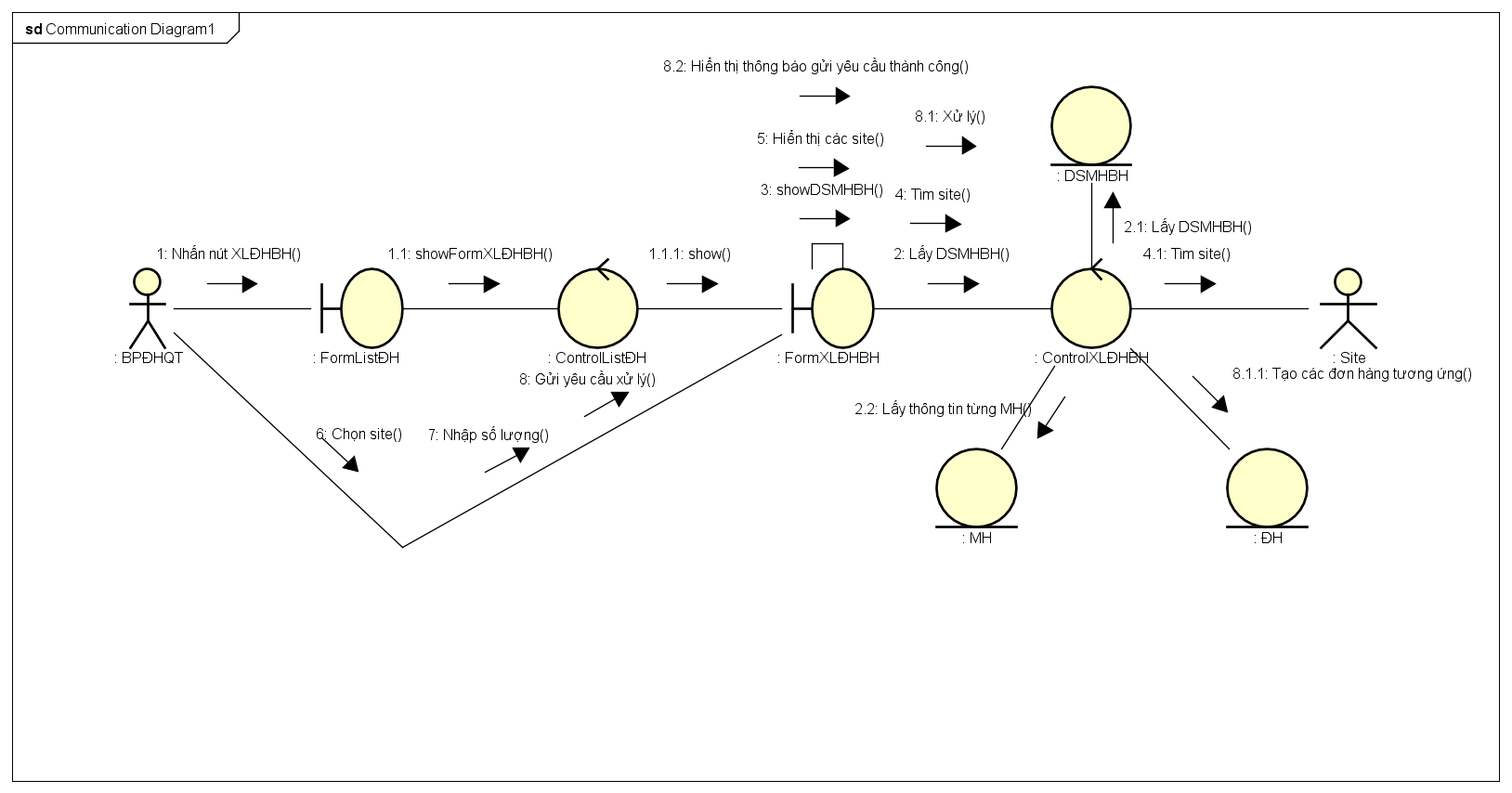
|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
| 1 | số lượng hủy |  | Có | >0 && <= số lượng đặt | 3 |
| 2 | số lượng còn lại |  | Có | >= 0 | 20 |
| 3 | lý do hủy |  | Không |  | Hết hàng Thay đổi giá |

**2.5.2 Biểu đồ hoạt động**



**2.5.4. Biểu đồ trình tự**

**2.5.5. Biểu đồ giao tiếp**



**2.5.7. Biểu đồ lớp**

